



Do Liên Minh Châu Âu tài trợ



EU JULE



OXFAM

vsil

HỘI LUẬT QUỐC TẾ VIỆT NAM
VIET NAM SOCIETY OF
INTERNATIONAL LAW

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TẠI CÁC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. BNNPTNN Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2. BTNMT Bộ Tài nguyên và Môi trường
3. BVMT Bảo vệ môi trường
4. ĐGTD Đánh giá tác động
5. ĐTM Đánh giá tác động môi trường
6. TNMT Tài nguyên và Môi trường
7. QLRBV Quản lý rừng bền vững

BỘ TIÊU CHÍ PHÁP LUẬT VỀ ĐGTD MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

I. CÁC TIÊU CHÍ CHUNG ÁP DỤNG CHO CÁC KHU BẢO TỒN

Nội dung	Nội dung thành phần	Tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Quy định và Ghi chú
1. Xuất xứ của Dự án ¹	1.1. Thông tin chung về dự án	1.1.1. Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác)	1.1.1.1. Tên dự án; tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án	Các thông tin về dự án trong báo cáo ĐTM phải thống nhất với các đề xuất dự án
			1.1.1.2. Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án	Thông tin về người đại diện theo pháp luật của chủ dự án cần tương ứng với thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy uỷ quyền trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của chủ dự án được uỷ quyền.
			1.1.1.3. Tiến độ thực hiện dự án	Dự án đầu tư xây dựng cần được quản lý tiến độ theo quy định pháp luật về xây dựng ² .
			1.1.1.4. Vị trí địa lý (các điểm mốc toạ độ theo hệ toạ độ quốc gia, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án ³	Các điểm mốc toạ độ theo hệ toạ độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT ⁴ .

¹ Luật BVMT, Điều 32.

² Quản lý tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng được quy định chi tiết tại Điều 67, Luật Xây dựng; hướng dẫn bởi Điều 18, Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

³ Luật BVMT, Điều 32.

⁴ Thông tư 06/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2009 quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới toạ độ.

			1.1.1.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án ⁵	(i) Chủ dự án cung cấp thông tin về hiện trạng quản lý, sử dụng đất theo quy định ⁶ ; (ii) Chủ dự án cung cấp thông tin về hiện trạng quản lý, sử dụng mặt nước theo quy định ⁷ .
			1.1.1.6. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường	(i) Chủ dự án xác định dự án thuộc trường hợp phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư ⁸ ; (ii) Chủ dự án đảm bảo khoảng cách theo hướng dẫn của pháp luật về bảo vệ môi trường ⁹ .
			1.1.1.7. Mục tiêu: (i) loại hình, (ii) quy mô, (iii) công suất và (iv) công nghệ sản xuất của dự án	(i) Loại hình: Dự án đầu tư xây dựng được phân loại dựa trên yếu tố về công năng phục vụ, tính chất chuyên ngành, mục đích quản lý, nguồn vốn sử dụng, hình thức đầu tư ¹⁰ ; (ii) Quy mô: bao gồm tổng mức đầu tư ¹¹ , tổng diện tích sử dụng đất ¹² ; (iii) Công suất;

⁵ Nội dung quản lý thông tin môi trường được quy định tại Điều 99, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (“Nghị định 08/2022/NĐ-CP”)

⁶ Tiêu chí điều tra, đánh giá đất đai, trong đó bao gồm lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được quy định tại Điều 32, 34 Luật Đất đai; hướng dẫn bởi Điều 4, Thông tư 35/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 30/6/2014 quy định việc điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai được hướng dẫn tại Thông tư 60/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 15/12/2015 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; định mức kinh tế - kỹ thuật của hoạt động điều tra, đánh giá đất đai được hướng dẫn tại Thông tư 33/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 07/11/2016 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai.

⁷ Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt được quy định tại Điều 9, Luật Bảo vệ môi trường (“Luật BVMT”); nội dung quản lý chất lượng môi trường nước mặt được quy định tại Điều 4, 5 Nghị định 08/2022/NĐ-CP

⁸ Luật BVMT, Điều 53, khoản 2.

⁹ Tiêu chí về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư được quy định chi tiết tại Điều 52, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

¹⁰ Loại hình dự án được quy định chi tiết tại Điều 5, Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (“Nghị định 15/2021/NĐ-CP”)

¹¹ Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng được quy định tại Điều 5, Nghị định 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

¹² Diện tích sử dụng đất được quy định riêng đối với từng loại đất, trong đó có nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng. Chủ dự án áp dụng quy định diện tích sử dụng đất với loại đất tương ứng của dự án.

				(iv) Công nghệ sản xuất ¹³ .
			1.1.2.1: Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư	(i) Chủ dự án xác định dự án đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư hay là dự án đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công ¹⁴ ; (ii) Chủ dự án xác định cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ¹⁵ .
			1.1.2.2: Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án	Chủ dự án đảm bảo nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định pháp luật về xây dựng ¹⁶ .
	1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.	1.2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM	1.2.1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Bảo đảm dự án được triển khai theo nguyên tắc bảo vệ môi trường và nguyên tắc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường ¹⁷ ; áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo tiêu chí quy định ¹⁸ .
1.2.1.2. Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án			Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp lý liên quan đến dự án bao gồm: (i) các luật, nghị định, thông tư là cơ sở của việc hình thành và thực hiện dự án và quy định liên quan đến khu bảo tồn; (ii) các quyết định hành chính, giấy phép, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quy	
1.2.1.3. Liệt kê các văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, như quyết định hành chính cá biệt, nghị				

¹³ Lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn công nghệ được quy định tại Điều 8, Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

¹⁴ Đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư công được quy định tại Điều 5, Luật Đầu tư công; đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư được quy định tại Điều 2, Luật Đầu tư.

¹⁵ Trong trường hợp dự án là dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, chủ dự án xem Điều 30, 31, 32 Luật Đầu tư; trong trường hợp dự án là dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công, chủ dự án xem Điều 17, Luật Đầu tư công

¹⁶ Tiêu chí xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được quy định tại Điều 54, Luật Xây dựng; Điều 11, Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

¹⁷ Luật BVMT, Điều 4, 98-101.

¹⁸ Luật BVMT, Điều 105.

			quyết, giấy phép... có liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản tại Tiêu chí 1.1.2.1)	hoạch dự án, quy hoạch khu bảo tồn...; (iii) Đối với các khu bảo tồn thì cần chú ý tới các quyết định thành lập khu bảo tồn, quy chế quản lý...
			1.2.1.4. Liệt kê các văn bản pháp lý của nội bộ chủ đầu tư dự án, ban quản lý khu bảo tồn (như quyết định, nghị quyết, hợp đồng...) có liên quan đến dự án	
	1.3. Các hạng mục công trình của dự án và hoạt động của dự án	1.2.2. Các tài liệu liên quan đến dự án (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)		Các tài liệu bao gồm: (i) báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (đối với các đối tượng là dự án đầu tư nhóm I) ¹⁹ ; (ii) báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với dự án đầu tư xây dựng) ²⁰ ; (iii) báo cáo đánh giá tác động môi trường ²¹ và các tài liệu khác.
			1.3.1. Liệt kê công nghệ, các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	1.3.1.1. Dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án và các hạng mục công trình phụ trợ của dự án
		1.3.2. Liệt kê các hoạt động của dự án	1.3.2.1. Các hoạt động của dự án đảm bảo được quản lý theo quy định hướng dẫn, như quy định đối với các hoạt động trong phân khu chức năng của khu bảo tồn đất	

¹⁹ Luật BVMT, Điều 29.

²⁰ Luật BVMT, Điều 34, khoản 2; Luật Xây dựng, Điều 54.

²¹ Luật BVMT, Điều 31, khoản 2.

²² Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Điều 3, khoản 1.

			ngập nước ²³ ; quy định về nguyên tắc tổ chức quản lý rừng ²⁴ ; quy định về hoạt động trong khu bảo tồn biển và vùng đệm ²⁵ .	
		1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	1.3.3.1. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải	
			1.3.3.2. Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn (nếu có)	+ Đối với công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, chủ dự án đối chiếu với quy định để đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng ²⁶ . + Đối với công trình bảo tồn đa dạng sinh học, chủ dự án đối chiếu với nguyên tắc bảo tồn và Chính sách của Nhà nước về bảo tồn ²⁷ .
			1.3.3.3. Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; các công	Chủ dự án đảm bảo công trình giảm thiểu tiếng ồn,

²³ Nghị định 66/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, Điều 16.

²⁴ Luật Lâm nghiệp, Điều 24; Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Chương II.

²⁵ Nghị định 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, Mục 3.

²⁶ Thông tư 64/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 22/12/2017 quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

²⁷ Luật Đa dạng sinh học, Điều 4, 5.

			trình bảo vệ môi trường khác (nếu có)	độ rung đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật ²⁸ .
	1.4. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án			Liệt kê các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án. Đối với dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, phải làm rõ về nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đề xuất khối lượng phế liệu nhập khẩu khi dự án vận hành theo công suất thiết kế của dự án.
	1.5. Công nghệ sản xuất, vận hành			Mô tả về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa
	1.6. Biện pháp tổ chức thi công			Mô tả về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường

²⁸ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn; và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung ban hành kèm theo Thông tư 39/2010/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 16/12/2010 quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

	1.7. Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan ²⁹	1.7.1. Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ³⁰	1.7.1.1. Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học ³¹	Chủ dự án đối chiếu với tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định hướng dẫn ³² , đặc biệt chú ý tới các quy hoạch có liên quan đến khu bảo tồn bị tác động bởi các hoạt động của dự án theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ³³ . Các phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học ³⁴
			1.7.1.2. Các quy hoạch chuyên ngành khác trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ³⁵	
		1.7.2. Sự phù hợp với Quy hoạch vùng nơi có dự án/hoạt động cần có báo cáo ĐTM	1.7.2.1. Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch vùng ³⁶	Chủ dự án đối chiếu với tiêu chí đánh giá nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh.
		1.7.3. Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch tỉnh ³⁷	1.7.3.1. Phù hợp với các nội dung về bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh ³⁸	Chủ dự án đối chiếu với tiêu chí đánh giá nội dung bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh và

²⁹ Luật BVMT, Điều 32. Nghị quyết 28C/Resolution 2.4 của Đại hội đồng UNESCO về việc ban hành Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý về Mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển toàn cầu, tháng 11 năm 1995.

³⁰ Luật BVMT, Điều 23; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Mẫu 04: Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

³¹ Luật Đa dạng sinh học, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11.

³² Luật Quy hoạch, Điều 49; Nghị định 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Điều 6, 7.

³³ Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 21, khoản 7

³⁴ Luật BVMT, Điều 23 và Điều 42

³⁵ Luật Đa dạng sinh học, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11.

³⁶ Luật BVMT, Điều 24.

³⁷ Luật BVMT, Điều 24.

³⁸ Luật Đa dạng sinh học, Chương II.

				nội dung quy hoạch sử dụng đất ³⁹ . Dự án phải phù hợp với các quy hoạch sử dụng đất, đối với các hoạt động liên quan đến khu bảo tồn rừng thì phải phù hợp với quy hoạch đất rừng ⁴⁰
		1.7.4. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác		Cần mô tả rõ mối quan hệ của dự án này với các dự án khác trong tại khu vực có hoạt động đầu tư, đặc biệt là các khu bảo tồn.
		1.7.5. Sự phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan ⁴¹		Tham chiếu đến các quy định pháp luật có liên quan đến dự án đầu tư tại khu bảo tồn, như Luật BVMT, Luật DDSH, Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai, Luật Đầu tư... Đặc biệt chú ý đối với các hoạt động liên quan đến khu bảo tồn thì còn các chính sách liên quan đến người dân tộc thiểu số, cư dân địa phương, văn hoá, an ninh quốc gia... ⁴²
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	2.1. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	2.1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM	2.1.1.1. Danh mục các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật	
		2.1.2. Liệt kê các hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM	2.1.2.1. Danh mục các hướng dẫn kỹ thuật	Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM.

³⁹ Luật Đất đai, Điều 38, Điều 44, Điều 136, Điều 137.

⁴⁰ Luật Lâm Nghiệp, Điều 27, khoản 2; Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý rừng bền vững, Điều 5, khoản 1; Luật Đất đai, Điều 38, Điều 44, Điều 136, Điều 137.

⁴¹ Luật BVMT, Điều Điều 4 và Điều 32.

⁴² Luật BVMT, Điều 4 và Điều 32.

	2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.			
3. Phương pháp ĐTM và phương pháp khác được sử dụng (nếu có) ⁴³	3.1. Liệt kê và mô tả phương pháp ĐTM và phương pháp khác được sử dụng	3.1.1. Liệt kê và mô tả các phương pháp được sử dụng	3.1.1.1. Sự phù hợp của từng phương pháp được sử dụng để đánh giá	Chủ dự án liệt kê và mô tả các phương pháp được sử dụng để thực hiện ĐTM, như phương pháp thống kê số liệu về môi trường, phương pháp ma trận môi trường, phương pháp mô hình hoá môi trường, phương pháp bản đồ chập, phương pháp sơ đồ mạng lưới, phương pháp phân tích chi phí – lợi ích...
			3.1.1.2. Xác định độ tin cậy của phương pháp được sử dụng ⁴⁴	Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác) ⁴⁵ .

⁴³ Luật BVMT, Điều 32.

⁴⁴ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Mẫu 04: Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

⁴⁵ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Mẫu 04: Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, Điều 3.4

4. Sự phù hợp với các quy định của Luật BVMT ⁴⁶	4.1. Mô tả nội dung của dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM ⁴⁷	4.1.1. Quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	(Chưa có quy định cụ thể)	Chủ dự án xác định dự án có thuộc dự án đầu tư nhóm I quy định tại Điều 28.3, Luật BVMT; hoặc dự án đầu tư nhóm II quy định tại điểm c, d, đ và e, Điều 28.4, Luật BVMT ⁴⁸ .	
		4.1.2. Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển; quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên	(Chưa có quy định cụ thể)		
	4.2. Xác định dự án có thuộc phạm vi phải có giấy phép môi trường	4.2.1. Có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức			Chủ dự án xác định dự án có thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại Điều 39, Luật BVMT.
		4.2.2. Hoạt động trước ngày 01/01/2022			
	4.3. Mô tả các điều kiện pháp lý về bảo vệ môi trường đối với phạm vi hoạt động, công nghệ hoặc hạng mục công trình	4.3.1. Chủ dự án đảm bảo đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường đối với phạm vi hoạt động; công nghệ hoặc hạng mục công trình.	4.3.1.1. Chủ dự án đối chiếu với quy định về môi trường của Luật Quy hoạch và quy định có liên quan.		Chủ dự án đảm bảo đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường đối với phạm vi hoạt động ⁴⁹ ; công nghệ ⁵⁰ hoặc hạng mục công trình ⁵¹ .
			4.3.1.2. Chủ dự án đối chiếu với quy định về môi trường của Luật Công nghệ thông tin; Luật Chuyển giao		

⁴⁶ Luật BVMT, Điều 32.

⁴⁷ Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 30, Luật BVMT.

⁴⁸ Luật BVMT, Điều 30, khoản 2 quy định: Các dự án thuộc dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công không phải thực hiện ĐTM.

⁴⁹ Chủ dự án đối chiếu với quy định về môi trường của Luật Quy hoạch và quy định có liên quan.

⁵⁰ Chủ dự án đối chiếu với quy định về môi trường của Luật Công nghệ thông tin; Luật Chuyển giao công nghệ và quy định có liên quan.

⁵¹ Chủ dự án đối chiếu với quy định về môi trường của Luật Xây dựng và quy định có liên quan.

			công nghệ và quy định có liên quan.	
			4.3.1.3. Chủ dự án đối chiếu với quy định về môi trường của Luật Xây dựng và quy định có liên quan.	
	4.4. Mô tả sự phù hợp của hoạt động dự án đối với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.	4.4.1. Chủ rừng thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền sử dụng đất và rừng ⁵²		Chủ dự án đối chiếu các quy định theo các tiêu chí tại Phụ lục I Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNN ⁵³
		4.4.2. Chủ rừng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp	4.4.2.1. Chủ rừng thực hiện đủ chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc ngành nghề kinh doanh đã đăng ký.	
			4.4.2.2. Chủ rừng lưu trữ, cập nhật hồ sơ, chứng từ liên quan đến hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất rừng.	Chủ dự án đối chiếu các quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu đối với từng nhóm hồ sơ quy định tại Phụ lục kèm theo TT 09/2011/TT-BNV ⁵⁴
			4.4.2.3. Chủ rừng phải có kế hoạch thanh toán các khoản chưa nộp và được cơ quan chức năng xác nhận.	Chủ dự án đối chiếu với các quy định theo Luật Lâm nghiệp để xác định nghĩa vụ tài chính phải thực hiện như: (i) tiền thuê rừng, đất rừng; ⁵⁵ ii) tiền trồng rừng thay thế do chuyên đổi mục đích sử dụng ⁵⁶

⁵² Luật Đất đai, Điều 38, Điều 44, Điều 136, Điều 137.

⁵³ Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNN ngày 16/11/2018 BNNPTNT quy định về quản lý rừng bền vững

⁵⁴ Điều 3 Thông tư 09/2011/TT-BNV quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức và Phụ lục kèm theo Thông tư này.

⁵⁵ Luật Lâm nghiệp, Điều 17.

⁵⁶ Luật Lâm nghiệp, Điều 21.

		4.4.3. Chủ rừng thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản lý rừng bền vững và nguồn gốc gỗ hợp pháp	4.4.3.1. Chủ rừng xây dựng phương án QLRBV theo tiêu chí đã được quy định	
			4.4.3.2. Chủ rừng có các biện pháp ngăn chặn các hành vi cấm trong hoạt động lâm nghiệp	
			4.4.3.3. Chủ rừng kiểm tra, phát hiện vi phạm trên diện tích quản lý	
			4.4.3.4. Lưu trữ hồ sơ và báo cáo những vi phạm pháp luật đã đượ xử lý trong tối thiểu 5 năm gần nhất	
			4.4.3.5. Phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để xác định, kiểm soát và ngăn chặn các hoạt động trái phép	
			4.4.3.6. Tuân thủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục khai thác và khai thác lâm sản của BNNPTNN	
		4.4.4. Chủ rừng đáp ứng những yêu cầu trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia	4.4.4.1. Sử dụng các biện pháp thương mại thúc đẩy bền vững đa dạng sinh học	Bao gồm bản đồ, đánh giá và định giá hệ sinh thái và dịch vụ liên quan; đấu tranh chống buôn bán động vật hoang dã.
			4.4.4.2. Giảm thiểu nạn phá rừng, khai thác gỗ bất hợp pháp.	
			4.4.4.3. Ngăn chặn cháy rừng, ngăn chặn chặn thả quá mức.	

			4.4.4.4. Điều chỉnh hoạt động khai thác, thăm dò khoáng sản, giảm thiểu sự xáo trộn thảm thực vật, yêu cầu phục hồi thảm thực vật	
			4.4.4.5. Làm khu bảo tồn rừng, bảo tồn nguồn gen tự nhiên	
			4.4.4.6. Duy trì sự đa dạng các loài rừng tối đa, đặc biệt là rừng ngập mặn.	
5. Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường	5.1. Mô tả điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ⁵⁷	5.1.1. Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về các điều kiện tự nhiên phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án trong 03 năm gần nhất.	5.1.1.1. Dữ liệu về địa lý, địa chất	Tổng hợp dữ liệu về địa lý và địa chất được hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ⁵⁸ .
			5.1.1.2. Dữ liệu về khí hậu, khí tượng	Chủ dự án đáp ứng dữ liệu về khí hậu theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 03/2022/TT-BTNMT; dữ liệu về khí tượng theo quy định tại Điều 5 và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư 40/2017/TT-BTNMT.
			5.1.1.3. Dữ liệu về số liệu thủy văn, hải văn	Chủ dự án đáp ứng thông tin về thủy văn, hải văn theo quy định tại Điều 5, Thông tư 40/2017/TT-BTNMT.
		5.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn, hải	5.1.2.1. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án	Chủ dự án đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo quy định tại Chương II,

⁵⁷ Quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Không bắt buộc thực hiện đối với dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường (“Thông tư 02/2022/TT-BTNMT”).

⁵⁸ Thông tư 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 28/02/2022 ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

		vấn của nguồn tiếp nhận nước thải này.		Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ⁵⁹ .
			5.1.2.2. Mô tả đặc điểm chế độ thủy văn, hải văn của nguồn tiếp nhận nước thải	Chủ dự án đối chiếu thông tin về nội dung, cấu trúc chế độ thủy văn, hải văn quy định tại Mục 2 và 4, Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư 40/2017/TT-BTNMT.
		5.1.3. Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án	5.1.3.1. Các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác)	Đối với dự án có địa điểm thực hiện tại rừng đặc dụng, chủ dự án đảm bảo thu thập thông tin về hiện trạng cơ sở hạ tầng về giao thông theo quy định ⁶⁰ .
			5.1.3.2. Đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, danh lam thắng cảnh đã được xác lập, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.	Đối với dự án có địa điểm thực hiện tại rừng đặc dụng, chủ dự án đảm bảo thu thập thông tin về (i) di tích lịch sử - văn hoá, cảnh quan trong phạm vi khu rừng theo số liệu thống kê ⁶¹ ; (ii) dân số, lao động, dân tộc và thu nhập bình quân đầu người/năm tổng hợp theo quy định ⁶² .
	5.2. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường	5.2.1. Thu thập dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường	5.2.1.1. Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như (i) môi trường	+ Đối với thành phần (i), chủ dự án đối chiếu công tác quan trắc môi trường với quy định kỹ thuật về quan trắc chất lượng

⁵⁹ Thông tư 76/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29/12/2017 quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước, sông, hồ.

⁶⁰ Mẫu số 02 Phụ lục VII kèm theo Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững (“Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT”).

⁶¹ Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT, Điều 5, khoản 1, điểm a.

⁶² Mẫu số 01 Phụ lục VII kèm theo Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT.

		không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, (ii) môi trường nước mặt, (iii) môi trường nước biển, (iv) môi trường nước dưới đất, (v) môi trường đất vùng tiếp nhận nước thải của dự án		không khí xung quanh, tiếng ồn ⁶³ . + Đối với thành phần (ii), chủ dự án đối chiếu công tác quan trắc môi trường với quy định kỹ thuật về quan trắc chất lượng nước mặt ⁶⁴ . + Đối với thành phần (iii), chủ dự án đối chiếu công tác quan trắc môi trường với quy định kỹ thuật về quan trắc chất lượng nước biển ⁶⁵ . + Đối với thành phần (iv), chủ dự án đối chiếu công tác quan trắc môi trường với quy định kỹ thuật về quan trắc chất lượng nước dưới đất ⁶⁶ . + Đối với thành phần (v), chủ dự án đối chiếu với quy định về hoạt động điều tra, đánh giá đất đai ⁶⁷ ; và quy định kỹ thuật về quan trắc chất lượng đất ⁶⁸ .
		5.2.2. Đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án ⁶⁹	5.2.2.1. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường	Bên cạnh các yêu cầu kỹ thuật quan trắc đối với thành phần môi trường nói chung được quy định ⁷⁰ , chủ dự án đối chiếu công tác quan trắc môi trường với quy định kỹ thuật về quan trắc nước thải, khí thải và bùn thải từ hệ thống xử lý nước theo quy định ⁷¹ .

⁶³ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, Điều 6, 7.

⁶⁴ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, Điều 8.

⁶⁵ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, Điều 10.

⁶⁶ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, Điều 9.

⁶⁷ Luật Đất đai, Điều 32.

⁶⁸ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, Điều 12.

⁶⁹ Quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ phải đo đạc môi trường phóng xạ tự nhiên.

⁷⁰ Chương II, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường (“Thông tư 10/2021/TT-BTNMT”).

⁷¹ Chương IV, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT.

		5.2.3. Tổng hợp dữ liệu thu thập và kết quả đo đạc, phân tích để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện dự án	5.2.3.1. Đảm bảo các yêu cầu về kiểm tra, xử lý, thống kê và đánh giá dữ liệu quan trắc môi trường ⁷²	Chủ dự án đáp ứng tiêu chí quản lý dữ liệu quan trắc môi trường quy định tại Điều 25, 42, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT.
			5.2.3.2. Đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức dữ liệu, báo cáo quan trắc môi trường ⁷³	
	5.3. Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học ⁷⁴	5.3.1. Thu thập, tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước tại khu vực dự án và xung quanh dự án ⁷⁵	5.3.1.1. Thu thập, tổng hợp dữ liệu về đa dạng sinh học trên cạn tại khu vực dự án và xung quanh dự án	+ Dữ liệu về hiện trạng sử dụng đất, rừng, hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan trong phạm vi của khu rừng theo số liệu thống kê ⁷⁶ ; + Dữ liệu về hiện trạng, trữ lượng rừng được tổng hợp, đánh giá theo mẫu quy định ⁷⁷ ; + Đánh giá đa dạng loài thực vật rừng, động vật rừng chủ yếu; xác định các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu và sinh cảnh sống của chúng; xác định hệ sinh thái rừng suy thoái cần phục hồi, khu vực cảnh quan cần được bảo vệ và tổng hợp danh mục các loài thực vật rừng, động

⁷² Điều 25, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT.

⁷³ Điều 42, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT.

⁷⁴ Quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Đối với dự án trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương, chủ dự án không cần thực hiện đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học.

⁷⁵ Quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Lưu ý đến các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu (nếu có): các loại rừng, danh mục các loài thực vật, động vật, tài nguyên sinh vật biển và đất ngập nước ven biển, danh mục các loài phiêu sinh, động vật đáy và tài nguyên thủy, hải sản khác.

⁷⁶ Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững, Điều 5, khoản 1, điểm a.

⁷⁷ Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT, Điều 5, khoản 1, điểm đ.

				vật rừng theo mẫu quy định ⁷⁸ ; + Dữ liệu về loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cần được đảm bảo lưu trữ theo quy định ⁷⁹ .
			5.3.1.2. Thu thập, tổng hợp dữ liệu về đa dạng sinh học dưới nước tại khu vực dự án và xung quanh dự án	Chủ dự án tổng hợp, phân tích và xử lý dữ liệu về tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo quy định ⁸⁰ .
		5.3.2. Đối với dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển, chủ dự án bổ sung số liệu điều tra, khảo sát đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước tại khu vực dự án ⁸¹	5.3.2.1. Chủ dự án bổ sung số liệu điều tra, khảo sát đa dạng sinh học trên cạn tại khu vực dự án	+ Chủ dự án đảm bảo điều tra, khảo sát theo quy định đối với công tác (i) điều tra đa dạng hệ sinh thái rừng ⁸² ; (ii) điều tra đa dạng thực vật rừng ⁸³ ; (iii) điều tra động vật rừng có xương sống ⁸⁴ ; (iv) điều tra côn trùng rừng và sâu, bệnh hại rừng ⁸⁵ ; (v) điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng ⁸⁶ . + Chủ dự án đảm bảo điều tra, quan trắc, đánh giá hiện trạng loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định ⁸⁷ .

⁷⁸ Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT, Điều 5, khoản 1, điểm e.

⁷⁹ Nghị định 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (“Nghị định 160/2013/NĐ-CP”), Điều 9, khoản 2.

⁸⁰ Phương thức phân tích, xử lý dữ liệu được hướng dẫn tại Điều 4, Thông tư 19/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 15/11/2018 hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

⁸¹ Quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Lưu ý đến các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, hệ sinh thái rừng tự nhiên, san hô, cỏ biển (nếu có).

⁸² Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, Điều 18.

⁸³ Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT, Điều 19.

⁸⁴ Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT, Điều 20.

⁸⁵ Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT, Điều 21.

⁸⁶ Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT, Điều 22.

⁸⁷ Nghị định 160/2013/NĐ-CP Điều 9, khoản 1,.

			5.3.2.2. Chủ dự án bổ sung số liệu điều tra, khảo sát đa dạng sinh học dưới nước tại khu vực dự án	Chủ dự án đảm bảo điều tra, khảo sát nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo quy định ⁸⁸ .
	5.4. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.	Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.		Bên cạnh các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án, chủ dự án nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường bằng cách đối chiếu với quy định về yếu tố nhạy cảm về môi trường gồm: (i) khu dân cư tập trung; (ii) nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; (iii) khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; (iv) các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; (v) di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; (vi) đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; (vii) vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư; và (viii) yếu tố nhạy cảm khác về môi trường ⁸⁹ .
	5.5. Thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án đầu tư	5.5.1. Thuyết minh sự phù hợp của địa điểm về điều kiện tự nhiên của khu bảo tồn	5.5.1.1. Phù hợp với các thông tin mô tả hiện trạng điều kiện tự nhiên của khu bảo tồn đã được mô tả tại các tiêu chí 5.1.	
5.5.2. Thuyết minh sự phù hợp của địa điểm về điều kiện kinh tế - xã hội của khu bảo tồn		5.5.2.1. Phù hợp với các thông tin mô tả hiện trạng điều kiện kinh tế xã hội của khu bảo tồn đã được mô tả tại tiêu chí 5.1.		
5.5.3. Thuyết minh		5.5.3.1. Phù hợp với các thông tin mô tả		

⁸⁸ Thông tư 19/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 15/11/2018 hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, Chương II.

⁸⁹ Luật BVMT, Điều 28, khoản 2.

		sự phù hợp của địa điểm về điều kiện môi trường của khu bảo tồn	hiện trạng điều kiện môi trường của khu bảo tồn đã được mô tả tại các tiêu chí từ 5.2.	
6. Tác động của công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư⁹⁰	6.1. Liệt kê công nghệ, các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	6.1.1. Mô tả công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa ⁹¹	6.1.1.1. Mô tả nhu cầu sử dụng công nghệ của dự án và khả năng đáp ứng nguyên, vật liệu vận hành công nghệ	Đối với dự án có xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa, chủ dự án thu thập thông tin, dữ liệu theo quy định hướng dẫn ⁹² .
			6.1.1.2. Mô tả các đặc trưng kỹ thuật của công nghệ được sử dụng vào sản xuất, vận hành dự án	
			6.1.1.3. Mô tả các nội dung về chi phí đầu tư, vận hành công nghệ và khả năng chi trả của chủ dự án	
			6.1.1.4. Mô tả cơ sở lựa chọn công nghệ của chủ dự án	
	6.1.2. Liệt kê các hạng mục công trình và hoạt động của dự án	6.1.2.1. Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án	Chủ dự án đối chiếu quy định để xác định hạng mục công trình chính của dự án ⁹³ .	

⁹⁰ Luật BVMT, Điều 32; Quy định tại Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, chủ dự án cần bổ sung các thông tin về hiện trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; sự kết nối giữa các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

⁹¹ Áp dụng các tiêu chí tương tự tại Điều 16 Luật Chuyển giao Công nghệ quy định về nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư.

⁹² Thông tư 65/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 22/12/2017 quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa, Điều 27.

⁹³ Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Điều 3, khoản 1.

			6.1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	Chủ dự án đối chiếu quy định để xác định hạng mục công trình phụ trợ của dự án ⁹⁴ .
			6.1.2.3. Các hoạt động của dự án	Các hoạt động của dự án đảm bảo được quản lý theo quy định hướng dẫn, như quy định đối với các hoạt động trong phân khu chức năng của khu bảo tồn đất ngập nước ⁹⁵ ; quy định về nguyên tắc tổ chức quản lý rừng ⁹⁶ ; quy định về hoạt động trong khu bảo tồn biển và vùng đệm ⁹⁷ .
			6.1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải	+ Chủ dự án đối chiếu với quy định để xác định công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư ⁹⁸ . + Chủ dự án đảm bảo tiêu chí về công nghệ, tiêu chí về môi trường và xã hội, và tiêu chí về kinh tế của (i) công nghệ xử lý chất thải rắn ⁹⁹ ; (ii) công nghệ xử lý chất thải nguy hại ¹⁰⁰ . + Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân, chủ dự án cần đảm bảo đáp ứng yêu cầu về công trình xử lý chất thải theo quy định ¹⁰¹ .
			6.1.2.5. Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn	+ Đối với công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, chủ dự án đối chiếu với quy định để đảm bảo

⁹⁴ Luật Đê điều 2006, Điều 3, khoản 11.

⁹⁵ Nghị định 66/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, Điều 16.

⁹⁶ Luật Lâm nghiệp, Điều 24; Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Chương II.

⁹⁷ Nghị định 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, Mục 3.

⁹⁸ Luật BVMT, Điều 46, khoản 1.

⁹⁹ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Điều 28.

¹⁰⁰ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 39.

¹⁰¹ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 41.

			đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn (nếu có)	dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng ¹⁰² . + Đối với công trình bảo tồn đa dạng sinh học, chủ dự án đối chiếu với nguyên tắc bảo tồn và Chính sách của Nhà nước về bảo tồn ¹⁰³ .
			6.1.2.6. Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có)	Chủ dự án đảm bảo công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật ¹⁰⁴ .
	6.2. Đánh giá khả năng tác động đến môi trường của khu bảo tồn từ công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án	6.2.1. Mô tả tác động xấu đến môi trường của khu bảo tồn có thể gây ra từ công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án	6.2.1.1. Khi có các thay đổi: tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, thay đổi địa điểm thực hiện dự án, vị trí xả trực tiếp nước thải	Chủ dự án đánh giá khả năng tác động xấu đến môi trường của khu bảo tồn theo các giai đoạn của dự án ¹⁰⁵ .
	6.3. Đánh giá khả năng tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa của khu bảo tồn từ hoạt động của dự án	6.3.1. Mô tả tác động đến đa dạng sinh học của khu bảo tồn		
		6.3.2. Mô tả tác động di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá của khu bảo tồn theo các hoạt động cụ thể	6.3.2.1. Tác động xấu đến môi trường di sản từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ¹⁰⁶	Chủ dự án đánh giá khả năng tác động theo tiêu chí về phân loại các hoạt động của dự án. Đối với mỗi hoạt động phải được liệt kê, mô tả chi tiết hoạt động và đánh giá mức độ tác động.

¹⁰² Thông tư 64/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 22/12/2017 quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

¹⁰³ Luật Đa dạng sinh học, Điều 4, 5.

¹⁰⁴ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn; và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung ban hành kèm theo Thông tư 39/2010/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 16/12/2010 quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

¹⁰⁵ Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

¹⁰⁶ Các tiêu chí tại Cột này được quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục I về báo cáo kết quả điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

			6.3.2.2. Tác động xấu đến môi trường di sản từ hoạt động khai thác, sử dụng giá trị tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái của di sản thiên nhiên	
			6.3.2.3. Tác động xấu từ các hoạt động có môi đe dọa khác	
	6.4. Đánh giá khả năng tác động đến người dân sinh sống có liên quan đến khu bảo tồn từ hoạt động của dự án cần phải giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) ¹⁰⁷ .	6.4.1. Mô tả các tác động của việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng		
		6.4.2. Mô tả các tác động của việc di dân, tái định cư		
	6.5. Đánh giá khả năng tác động đến các yếu tố nhạy cảm khác từ hoạt động của dự án đối với khu bảo tồn ¹⁰⁸	6.5.1. Yếu tố nhạy cảm về môi trường	6.5.1.1. Khu dân cư tập trung trong khu bảo tồn	
			6.5.1.2. Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
			6.5.1.3. Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản	
			6.5.1.4. Di sản văn hoá vật thể, di sản thiên nhiên khác	
			6.5.1.5. Các loại rừng theo quy định	

¹⁰⁷ Luật BVMT, Điều 32.

¹⁰⁸ Luật BVMT, Điều 32.

			của pháp luật về lâm nghiệp	
			6.5.1.6. Đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên	
			6.5.1.7. Vùng đất ngập nước quan trọng	
			6.5.1.8. Yêu cầu di dân, tái định cư	
	6.6. Đánh giá khả năng xảy ra các sự cố môi trường đối với khu bảo tồn từ hoạt động của dự án ¹⁰⁹	6.6.1. Mô tả sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người (nếu có) ¹¹⁰	6.6.1.1. Tác động của sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, thoát nước và xử lý nước thải ¹¹¹	
			6.6.1.2. Tác động của sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải, chất thải nguy hại ¹¹²	
			6.6.1.3. Tác động của sự cố xảy ra trong quá trình vận hành thử nghiệm công nghệ ¹¹³	
			6.6.1.4. Tác động của sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển hàng hoá, vật liệu nguy hiểm và quá trình thi công, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình ¹¹⁴	
			6.6.1.5. Tác động của sự cố xảy ra trong quá trình thăm dò, khai	

¹⁰⁹ Luật BVMT, Điều 32.

¹¹⁰ Tiêu chí trên được phân tách dựa trên quy định về khái niệm sự cố môi trường quy định tại khoản 14, Điều 3 Luật BVMT.

¹¹¹ Luật BVMT, Điều 51, 52, 87.

¹¹² Luật BVMT, Điều 53, 62, 68, 83, 84.

¹¹³ Luật BVMT, Điều 48.

¹¹⁴ Luật BVMT, Điều 64, 65.

		6.6.2. Mô tả sự cố xảy ra do biến đổi bất thường của tự nhiên	thác, chế biến khoáng sản, tài nguyên ¹¹⁵	
			6.6.2.1. Tác động của các sự cố xảy ra do hiện tượng biến đổi khí tượng	
			6.6.2.2. Tác động của các sự cố xảy ra do hiện tượng biến đổi địa chất	
			6.6.2.3. Tác động của các sự cố xảy ra do hiện tượng biến đổi thủy văn, hải văn	
7. Đánh giá về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải¹¹⁶	7.1. Mô tả công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải (bao gồm khí thải, nước thải, chất thải rắn), đặc biệt là mô tả công trình và biện pháp này có ảnh hưởng như thế nào đối với công tác bảo vệ đa dạng sinh học trong khu bảo tồn	7.1.1. Đối với nước thải: Chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có)	7.1.1.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.	Dự án bảo đảm đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt. ¹¹⁷ và hệ thống xử lý nước thải ¹¹⁸ .
			7.1.1.2. Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.	Dự án bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường ¹¹⁹ và quy định pháp luật về hóa chất ¹²⁰ .
			7.1.1.3. Quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải.	Dự án bảo đảm đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về

¹¹⁵ Luật BVMT, Điều 67.

¹¹⁶ Luật BVMT, Điều 32.

¹¹⁷ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT.

¹¹⁸ Luật BVMT Điều 72, khoản 2 và Điều 87; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 57.

¹¹⁹ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT.

¹²⁰ Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 29/06/2018 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Hóa chất, Điều 35.

				nước thải ¹²¹ và hệ thống xử lý nước thải ¹²² . Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. ¹²³	
			7.1.1.4. Nguồn tiếp nhận; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có).		
			7.1.1.5. Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định)	Dự án bảo đảm việc quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) đáp ứng quy định kỹ thuật về quan trắc môi trường. ¹²⁴	
			7.1.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại	7.1.2.1. Quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải	Dự án bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ¹²⁵ , chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) ¹²⁶ và chất thải nguy hại ¹²⁷ .
				7.1.2.2. Quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình quản lý, xử lý chất thải	

¹²¹ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT.

¹²² Luật BVMT, Điều 72, khoản 2 và Điều 87; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 57.

¹²³ Luật BVMT, Điều 46; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 31; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 21, khoản 1.

¹²⁴ Luật BVMT, Điều 111; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 97, khoản 4; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Phụ lục XXVIII.

¹²⁵ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (“Thông tư 02/2022/TT-BTNMT”), Chương IV, Mục 2.

¹²⁶ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Chương IV, Mục 3.

¹²⁷ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Chương IV, Mục 4.

		7.1.3. Đối với bụi, khí thải	7.1.3.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.	Dự án bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. ¹²⁸
			7.1.3.2. Quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải	Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. ¹²⁹
			7.1.3.3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có)	
			7.1.3.4. Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định) ¹³⁰	Dự án bảo đảm việc quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có) đáp ứng quy định kỹ thuật về quan trắc môi trường. ¹³¹
8. Biện pháp giảm thiểu	8.1. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường	8.1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung		Dự án bảo đảm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung. ¹³³
		8.1.2. Đối với xói lở, bồi lắng, nước		Dự án bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về

¹²⁸ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT.

¹²⁹ Luật BVMT, Điều 46; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 31; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 21, khoản 2.

¹³⁰ Quan trắc đối với công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải được quy định chi tiết tại khoản 2, Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

¹³¹ Luật BVMT, Điều 111; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 98, khoản 5; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Phụ lục XXIX.

¹³³ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn ban hành kèm theo Thông tư 39/2010/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung ban hành kèm theo Thông tư 39/2010/TT-BTNMT.

tác động tiêu cực khác ¹³²		mưa chảy tràn (nếu có)		phòng chống thiên tai ¹³⁴ ; khu vực lưu giữ chất thải ¹³⁵
		8.1.3. Công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu với các dự án thủy điện, hồ chứa nước	8.1.3.1. Phương án đảm bảo sự lưu thông bình thường của dòng chảy ¹³⁶	Dự án bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về tài nguyên nước. ¹³⁷
			8.1.3.2. Phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước tại dự án thủy điện, hồ chứa nước ¹³⁸	
	8.1.3.3. Phương án vận hành hồ chứa, liên hồ chứa ¹³⁹			
	8.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có)	8.2.1. Đối với dự án khai thác khoáng sản, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có) tổ chức, cá nhân phải xây dựng tối thiểu 02 phương án	8.2.1.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường	Dự án đảm bảo tuân thủ quy định về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường. ¹⁴⁰
			8.2.1.2. Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: tác động liên quan đến chất thải, tác động không liên quan đến chất thải như: cảnh quan, sinh thái sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi	

¹³² Luật BVMT, Điều 32.

¹³⁴ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14, Điều 12, khoản 4.

¹³⁵ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 33 và 35.

¹³⁶ Văn bản hợp nhất 06/VBHN-VPQH năm 2017 về hợp nhất Luật Tài nguyên nước do Văn phòng Quốc hội ban hành, Điều 30.

¹³⁷ Văn bản hợp nhất 06/VBHN-VPQH năm 2017 về hợp nhất Luật Tài nguyên nước do Văn phòng Quốc hội ban hành, Điều 53, khoản 2.

¹³⁸ Văn bản hợp nhất 06/VBHN-VPQH năm 2017 về hợp nhất Luật Tài nguyên nước do Văn phòng Quốc hội ban hành, Điều 54, khoản 1, điểm c.

¹³⁹ Văn bản hợp nhất 06/VBHN-VPQH năm 2017 về hợp nhất Luật Tài nguyên nước do Văn phòng Quốc hội ban hành, Điều 60, khoản 3.

¹⁴⁰ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Phụ lục II, Chương 4, Mẫu số 04.

		cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.	trường,...) và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu.	
			8.2.1.3. Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. ¹⁴¹ Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.	
		8.2.2. Đối với dự án chôn lấp chất thải, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình xử lý chất thải, ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất và chất lượng môi trường của khu vực, chủ dự án phải xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường khả thi.	8.2.2.1. Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo môi trường. Xây dựng bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	Giải pháp cải tạo môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường. ¹⁴²
		8.2.2.2. Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, sự cố môi trường,...) để lựa chọn phương án cải tạo môi trường.		
	8.3. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)			
8.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	8.4.1. Trường hợp phải xây dựng, lắp đặt công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với	8.4.1.1. Quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình	Dự án bảo đảm tuân thủ quy định về công trình	

¹⁴¹ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Phụ lục II, Mẫu số 11.

¹⁴² Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Phụ lục II, Chương 4, Mẫu số 04.

		nước thải ¹⁴³ và khí thải phải có thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các thông số cơ bản của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế	phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường ¹⁴⁴ .
			8.4.1.2. Các thông số cơ bản của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế	
9. Chương trình quản lý và giám sát môi trường ¹⁴⁵	9.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường	9.1.1. Chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng		Dự án đảm bảo tuân thủ quy định về hệ thống quản lý môi trường ¹⁴⁶ và tiêu chuẩn kỹ thuật ¹⁴⁷ .
		9.1.2. Chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn vận hành	9.1.2.1. Quản lý nước thải, chất thải và các chất ô nhiễm khác trong giao đoạn vận hành ¹⁴⁸	
			9.1.2.2. Quản lý chất lượng của các thành phần môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng, sản xuất kinh doanh, dịch vụ có liên quan ¹⁴⁹	

¹⁴³ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 57, khoản 3.

¹⁴⁴ Luật BVMT, Điều 122, Điều 124, khoản 3 và Điều 125, khoản 4, điểm a.

¹⁴⁵ Luật BVMT, Điều 32.

¹⁴⁶ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015) về Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng.

¹⁴⁷ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn ban hành kèm theo Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung ban hành theo Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT.

¹⁴⁸ Luật BVMT Chương VI

¹⁴⁹ Luật BVMT Chương III

			9.1.2.3. Quản lý chất lượng của các yếu tố nhạy cảm có liên quan đến quá trình vận hành dự án	
		9.1.3. Đối với các dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải, cần có chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường		Dự án đảm bảo tuân thủ quy định về chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường ¹⁵⁰ .
		9.1.4. Quan trắc nước thải và khí thải: lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải trước và sau xử lý; vị trí các điểm quan trắc phải được mô tả rõ.		Chủ đầu tư tuân thủ quy định về quan trắc nước thải ¹⁵¹ và khí thải ¹⁵² .
		9.1.5. Quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).	9.1.5.1. Đảm bảo tiêu chuẩn của thiết bị lưu trữ, truyền nhận số liệu về Sở TNMT ¹⁵³	Chủ đầu tư tuân thủ quy định về quan trắc tự động, liên tục nước thải ¹⁵⁴ , khí thải ¹⁵⁵ .
	9.1.5.2. Đảm bảo tính chính xác, đúng giá trị và được xác thực bằng IP khi truyền số liệu ¹⁵⁶			
	9.1.5.3. Đảm bảo điều kiện về chuẩn hoá và truyền về Sở TNMT ¹⁵⁷			

¹⁵⁰ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Điều 73, khoản 5.

¹⁵¹ Quan trắc nước thải được quy định tại Điều 111 Luật BVMT, quy định chi tiết tại Điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

¹⁵² Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp được quy định tại Điều 112 Luật BVMT, quy định chi tiết tại Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

¹⁵³ Điểm a, Khoản 5.2 và Khoản 1 Công văn số 5417/BTNMT-TCMT gửi Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị chỉ đạo và triển khai các nội dung “Hướng dẫn tạm thời về việc truyền, nhận số liệu quan trắc tự động, liên tục”

¹⁵⁴ Luật BVMT, Điều 111; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 97, khoản 4 và Phụ lục XXVIII.

¹⁵⁵ Luật BVMT, Điều 111; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 98, khoản 5 và Phụ lục XXIX.

¹⁵⁶ Điểm b, Khoản 5.2 Công văn số 5417/BTNMT-TCMT

¹⁵⁷ Điểm C, Khoản 5.2 và Khoản 4 Công văn số 5417/BTNMT-TCMT

		9.1.6. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định,...	9.1.6.1. Giám sát số lượng và phân loại chất thải rắn thông thường ¹⁵⁸	Chủ dự án tuân thủ quy định về phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh ¹⁵⁹ để quản lý theo quy định.
			9.1.6.2. Giám sát loại chất thải rắn thông thường được phép chuyển giao khi có nhu cầu ¹⁶⁰	
			9.1.6.3. Giám sát chất thải rắn thông thường bằng biên bản bàn giao chất thải rắn thông thường ¹⁶¹	
		9.1.7. Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.	9.1.7.1. Giám sát thông qua giới hạn cho phép việc phát thải trong quá trình vận hành. ¹⁶²	Chủ dự án tuân thủ quy định về chương trình quản lý và giám sát môi trường ¹⁶³ .
			9.1.7.2. Giám sát, theo dõi mức độ phóng xạ ngoại địa điểm bằng phương pháp ghi đo, lưu giữ thông số phát thải phóng xạ.	
			9.1.7.3. Giám sát thông qua hệ thống báo động hiện tượng phát thải phóng xạ và các thiết bị tự động ngừng phát thải	
			9.1.7.4. Giám sát thông qua quy trình thông tin tới cơ quan	

¹⁵⁸ Luật BVMT, khoản 1 Điều 81, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 66, khoản 1

¹⁵⁹ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Phụ lục III, Mẫu số 01.

¹⁶⁰ Luật BVMT, khoản 1 Điều 82, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 66, khoản 2

¹⁶¹ Luật BVMT, điểm c, khoản 1, Điều 81, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 66, khoản 3

¹⁶² Tiêu chí dưới đây được quy định tại khoản 10.1 Phụ lục về nội dung báo cáo phân tích an toàn, ban hành kèm theo Thông tư 08/2014/TT-BKHHCN ngày 26/05/2014

¹⁶³ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Phụ lục II, Chương V, Mẫu số 04.

			có thẩm quyền và công chúng		
		9.1.8. Quan trắc, giám sát môi trường khác (nếu có).	9.1.8.1. Nếu thực hiện quan trắc thì cần phải chú ý các yêu cầu pháp luật về quan trắc	Thực hiện quan trắc cần phải đúng theo các quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ¹⁶⁴ .	
	9.2. Biện pháp quản lý và giám sát tác động tới đa dạng sinh học, bao gồm quản lý rủi ro do sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ra	9.2.1. Biện pháp quản lý rủi ro do sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ra. ¹⁶⁵	9.2.1.1. Quản lý thông qua đội ngũ cán bộ thường trực chuyên môn và các biện pháp an toàn đối với cán bộ.		
			9.2.1.2. Quản lý thoát sinh vật biến đổi ngoài khu vực khảo nghiệm và trong quá trình vận chuyển		
			9.2.1.3. Quản lý, ngăn chặn sự cố phát sinh		
9.2.1.4. Quản lý việc tiêu hủy sinh vật biến đổi và sản phẩm của chúng.					
10. Tham vấn ¹⁶⁶	10.1. Đối tượng tham vấn ¹⁶⁷	10.1.1. Cộng đồng dân cư và người dân địa phương ¹⁶⁸			
		10.2.1. Phong tục, truyền thống của cộng đồng dân cư và người dân địa			

¹⁶⁴ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 30/06/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

¹⁶⁵ Tiêu chí dưới đây quy định tại mục IX Phụ lục II về Thuyết minh đăng ký khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, Ban hành kèm theo Nghị định 69/2010/NĐ-CP NGÀY 21/06/2010

¹⁶⁶ Luật BVMT, Điều 32.

	10.2. Nội dung tham vấn ¹⁶⁹	phương tại khu bảo tồn rừng ¹⁷⁰		
		10.2.2. Nhu cầu cơ bản về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí của cộng đồng dân cư và người dân địa phương tại khu bảo tồn rừng ¹⁷¹ /khu bảo tồn đất ngập nước		
		10.2.3. Nhu cầu cơ bản về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí của cộng đồng dân cư và người dân địa phương tại khu bảo tồn rừng ¹⁷²		
	10.3. Phương thức tham vấn ¹⁷³	10.3.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng ¹⁷⁴	10.3.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử	Cơ quan quản lý trang thông tin điện tử; đường dẫn trên internet tới nội dung được tham vấn; thời điểm và thời gian đăng tải theo quy định ¹⁷⁵

¹⁶⁹ Luật BVMT, Điều 33, khoản 3.

¹⁷⁴ Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; Điều 6 Văn bản hợp nhất 06/VBHN-VPQH năm 2017 về hợp nhất Luật Tài nguyên nước do Văn phòng Quốc hội ban hành. Đối tượng tham vấn được quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

¹⁷⁵ Quy định chi tiết tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật BVMT và quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

			10.3.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến (nếu có)	Thời điểm, thời gian niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; thời điểm họp tham vấn; thành phần tham dự họp tham vấn ¹⁷⁶ .	
			10.3.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định (nếu có)	Chủ dự án liệt kê các văn bản do chủ dự án gửi đến các cơ quan, tổ chức để tham vấn và văn bản phản hồi của các cơ quan, tổ chức được tham vấn (nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của các văn bản); nêu rõ các trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của cơ quan, tổ chức được tham vấn trong thời gian quy định kèm theo minh chứng về việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này. ¹⁷⁷	
			10.3.2. Kết quả tham vấn cộng đồng	10.3.2.1. Lập bảng thể hiện các ý kiến, kiến nghị của đối tượng được tham vấn ¹⁷⁸	
			10.3.2.2. Giải trình việc tiếp thu kết quả tham vấn, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường	Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định về báo cáo đánh giá tác động môi trường. ¹⁷⁹	

¹⁷⁶ Quy định chi tiết tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; Mẫu số 4a về Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

¹⁷⁷ Mẫu số 04b về Văn bản của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; Mẫu số 04c về Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

¹⁷⁸ Mẫu bảng Kết quả tham vấn cộng đồng, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

¹⁷⁹ Luật BVMT, Điều 33, khoản 5.

11. Kết luận, kiến nghị và cam kết của chủ đầu tư	11.1. Kết luận của Chủ đầu tư đối với kết quả ĐTM	11.1.1. Các tác động đã nhận dạng và đánh giá được, các tác động chưa dự báo được		
		11.1.2. Đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định		
		11.1.3. Các biện pháp giảm thiểu tác động tương ứng		
		11.1.4. Các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do		Chủ đầu tư tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án (trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường ¹⁸⁰ ,...)
	11.2. Kiến nghị của Chủ đầu tư đối với kết quả ĐTM			
	11.3. Cam kết của chủ đầu tư	11.3.1. Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.		
		11.3.2. Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham	11.3.2.1. Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	

¹⁸⁰ Luật BVMT, Điều 125, khoản 4.

		vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.	11.3.2.2. Cam kết thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn	
			11.3.2.3. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án	
		11.3.3. Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.		

II. MỘT SỐ TIÊU CHÍ BỔ SUNG ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI KHU BẢO TỒN CỤ THỂ

1. KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN

Khu dự trữ thiên nhiên là khu vực có hệ sinh thái rừng hoặc có cả hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái biển, ngoài các chức năng chung của rừng đặc dụng, được xác lập chủ yếu để bảo tồn bền vững các hệ sinh thái tự nhiên. Khu dự trữ thiên nhiên tại Việt Nam hiện nay chịu sự điều chỉnh của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, môi trường, nguồn nước... Ngoài ra, Việt Nam đã tham gia vào một số công ước về bảo tồn các khu dự trữ thiên nhiên vì vậy các tiêu chí đánh giá tác động đối với Khu dự trữ thiên nhiên còn được căn cứ vào các văn bản quốc tế như

Công ước CBD, Nghị định thư Cartagena và Nghị định thư Nagoya, Công ước Ramsar, Công ước CITES, Công ước UNCLOS, Hiệp định CPTPP...

Các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với Khu dự trữ thiên nhiên:

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.¹⁸¹

2. Tiêu chí 3: Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch.

Tiêu chí này đòi hỏi các dự án đầu tư phải cung cấp thông tin liên quan đến Phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch vùng. Ngoài ra chủ dự án đối chiếu với nội dung về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và quy chế quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên do BTNMT ban hành.

3. Tiêu chí 6: Tác động của công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Khi thực hiện đánh giá tiêu chí này, chủ đầu tư phải Mô tả công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa; mô tả tác động xấu đến môi trường của khu bảo tồn có thể gây ra từ công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án. Ngoài ra, chủ đầu tư cần thực hiện Đánh giá khả năng tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa của khu bảo tồn từ hoạt động của dự án; đánh giá khả năng tác động đến người dân sinh sống có liên quan đến khu bảo tồn từ hoạt động của dự án cần phải giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

4. Tiêu chí 8: Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác

¹⁸¹ Thông tư 06/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2009 quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ.

Chủ đầu tư cần thiết lập kế hoạch thực hiện các Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

2. KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN (BIOSPHERE RESERVES)

Khu dự trữ sinh quyển được đề cập đến trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030¹⁸². Hiện tại, khái niệm khu dự trữ sinh quyển chưa được quy định trong hệ thống quy phạm pháp luật quản lý quốc gia hiện hành và chưa có một khung pháp lý chuyên biệt dành cho việc quản lý các khu dự trữ sinh quyển. Do đó, để xác định các tiêu chí pháp luật để lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào khu dự trữ sinh quyển thì bao gồm vào các tiêu chí pháp luật để đánh giá tác động môi trường đối với các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc khu bảo vệ cảnh quan... và các yêu cầu của Nghị quyết UNESCO về Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý Mạng lưới Các Khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu (Nghị quyết UNESCO)¹⁸³.

Các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với khu dự trữ sinh quyển:

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.¹⁸⁴

2. Tiêu chí 3: Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch.

Tiêu chí này đòi hỏi các dự án đầu tư phải cung cấp thông tin liên quan đến Phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch vùng. Ngoài ra chủ dự án đối

¹⁸² Quyết định số 1250/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

¹⁸³ 28C/Resolution 2.4 của Đại hội đồng UNESCO về việc ban hành Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý về Mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển toàn cầu, tháng 11 năm 1995.

¹⁸⁴ Thông tư 06/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2009 quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ.

chiều với nội dung về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và quy chế quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên do BTNMT ban hành.

3. Tiêu chí 10: Tham vấn:

Khi thực hiện tiêu chí này, chủ đầu tư phải bảo đảm người dân được tham vấn đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nghị quyết UNESCO về Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý Mạng lưới Các Khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu.

3. KHU DI SẢN THIÊN NHIÊN (NATURAL HERITAGE SITE)

Các Quốc gia Thành viên, các chuyên gia tiến hành đánh giá môi trường và các bên liên quan áp dụng 8 nguyên tắc đánh giá tác động di sản (Nêu ở Phần 1.1) theo *Hướng dẫn từng bước cho việc đưa khu Di sản Thiên nhiên Thế giới vào đánh giá môi trường* cùng với Hướng dẫn tự nguyện về đánh giá tác động môi trường bao gồm đa dạng sinh học của Công ước Đa dạng sinh học và Sổ tay đánh giá tác động Ramsa. Theo hướng dẫn của IUCN về đánh giá môi trường đối với khu di sản thiên nhiên thế giới thì¹⁸⁵:

- (i) Tất cả các đề xuất có khả năng gây ảnh hưởng xấu tới khu Di sản Thiên nhiên Thế giới cần đánh giá môi trường sớm và nghiêm ngặt.
- (ii) Các đề xuất phát triển nằm ngoài ranh giới khu DSTG cũng cần được đánh giá.
- (iii) Cần tiến hành đánh giá môi trường chiến lược có hệ thống đối với các đề xuất phát triển đa ngành hoặc quy mô lớn.
- (iv) Các dự án khai khoáng, khí đốt/dầu mỏ không tương thích với danh hiệu DSTG. Việc khai thác và thăm dò khoáng sản, dầu mỏ/khí đốt trong khu DSTG hoặc ảnh hưởng tới khu DSTG không tương thích với danh hiệu DSTG và xem các hoạt động đó là cơ sở để đưa các di sản này vào danh sách các DSTG đang gặp nguy hiểm theo Đoạn 180 Hướng dẫn Thực hiện Công ước.
- (v) Nhiều vấn đề cần đưa vào đánh giá có thể được xác định thông qua tuyên bố Giá trị Nổi bật Toàn cầu của di sản.
- (vi) Các vấn đề xã hội cũng cần được đánh giá

¹⁸⁵ IUCN (2013), Phụ lục 2 - Tài liệu tư vấn về Di sản thế giới - Đánh giá môi trường.

- (vii) Sớm có sự tham gia của các chuyên gia có kiến thức về DSTG, khu bảo tồn và đa dạng sinh học.
- (viii) Tham vấn cần được bắt đầu từ giai đoạn xác định phạm vi đánh giá và các tài liệu liên quan cần được công bố rộng rãi.
- (ix) Đề xuất dự án, điều khoản tham chiếu, báo cáo xác định phạm vi đánh giá cần được đệ trình cho Trung tâm DSTG càng sớm càng tốt.
- (x) Đánh giá ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp và tích lũy đối với Giá trị nổi bật toàn cầu.
- (xi) Có thể cần thu thập dữ liệu bổ sung nhằm đánh giá các tác động có thể có đối với giá trị nổi bật toàn cầu.
- (xii) Các phương án phát triển thay thế cần được xác định và đánh giá bao gồm cả phương án “không dự án” và các phương án bền vững nhất liên quan đến giá trị nổi bật toàn cầu.
- (xiii) Các giải pháp giảm nhẹ tác động cần được xác định theo mức độ, trước hết để tránh tác động tiêu cực có khả năng xảy ra, tiến đến là giảm các tác động khác không thể tránh khỏi
- (xiv) Cần có một chương riêng về tác động DSTG trong báo cáo ĐTM và các ý chính của chương này phải được phản ánh trong phần Báo cáo tóm tắt.
- (xv) Báo cáo dự thảo ĐTM cần được trình cho Trung tâm DSTG càng sớm càng tốt.
- (xvi) Công tác thực hiện kế hoạch quản lý môi trường cần được tiến hành độc lập theo định kỳ.

Do đó, các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với khu di sản thiên nhiên thế giới:

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.¹⁸⁶

¹⁸⁶ Thông tư 06/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 18/6/2009 quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ.

2. Tiêu chí 3: Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch.

Tiêu chí này đòi hỏi các dự án đầu tư phải cung cấp thông tin liên quan đến Phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Sự phù hợp với chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học và sự phù hợp với quy hoạch vùng trong đó có khu dự trữ sinh quyển. Ngoài ra chủ dự án đối chiếu với nội dung về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và quy chế quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên do BTNMT ban hành.

3. Tiêu chí 10: Tham vấn:

Khi thực hiện tiêu chí này, chủ đầu tư phải bảo đảm người dân được tham vấn đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nghị quyết UNESCO về Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý Mạng lưới Các Khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu.

4. KHU BẢO VỆ HOANG DÃ

Việc đánh giá, điều tra và xây dựng Báo cáo ĐTM được thực hiện theo Công ước CBD trong mối tương quan với Công ước RAMSAR, Công ước CITES và Công ước UNCLOS.

Việc tiến hành các biện pháp liên quan đến môi trường cần được thực hiện phù hợp với Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định ACNNR như đối với khu dự trữ thiên nhiên.

Do đó, các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các Khu bảo vệ hoang dã gồm:

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.

2. Tiêu chí 3: Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch.

Tiêu chí này đòi hỏi các dự án đầu tư phải cung cấp thông tin liên quan đến Phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch vùng. Ngoài ra chủ dự án đối

chiếu với nội dung về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và quy chế quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên do BTNMT ban hành.

3. Tiêu chí 6: Tác động của công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Khi thực hiện đánh giá tiêu chí này, chủ đầu tư phải Mô tả công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa; mô tả tác động xấu đến môi trường của khu bảo tồn có thể gây ra từ công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án. Ngoài ra, chủ đầu tư cần thực hiện Đánh giá khả năng tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa của khu bảo tồn từ hoạt động của dự án; đánh giá khả năng tác động đến người dân sinh sống có liên quan đến khu bảo tồn từ hoạt động của dự án cần phải giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

4. Tiêu chí 8: Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác

Chủ đầu tư cần thiết lập kế hoạch thực hiện các Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

5. Tiêu chí 10: Tham vấn

Chủ đầu tư cần chú ý tham vấn đối tượng cộng đồng dân cư và người dân địa phương bằng các cách thức như tham vấn thông qua việc đăng tải thông tin lên các tranh thông tin điện tử hoặc tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến người dân.

5. VƯỜN QUỐC GIA

Vườn quốc gia là đối tượng được điều chỉnh bởi rất nhiều quy định pháp luật hiện hành song song với các điều ước, công ước quốc tế có liên quan, vì vậy khi tiến hành đánh giá tác động đối với các khu vực vườn quốc gia thì cần áp dụng các tiêu chí trong Bộ tiêu chí đánh giá tác động môi trường tại các khu bảo tồn di sản thiên nhiên.

6. KHU BẢO TỒN LOÀI VÀ SINH CẢNH

Các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với khu bảo tồn loài và sinh cảnh:

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.

2. Tiêu chí 3: Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch.

Tiêu chí này đòi hỏi các dự án đầu tư phải cung cấp thông tin liên quan đến Phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch vùng. Ngoài ra chủ dự án đối chiếu với nội dung về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và quy chế quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên do BTNMT ban hành.

3. Tiêu chí 6: Tác động của công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Khi thực hiện đánh giá tiêu chí này, chủ đầu tư phải Mô tả công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa; mô tả tác động xấu đến môi trường của khu bảo tồn có thể gây ra từ công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án. Ngoài ra, chủ đầu tư cần thực hiện Đánh giá khả năng tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa của khu bảo tồn từ hoạt động của dự án; đánh giá khả năng tác động đến người dân sinh sống có liên quan đến khu bảo tồn từ hoạt động của dự án cần phải giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

4. Tiêu chí 8: Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác

Chủ đầu tư cần thiết lập kế hoạch thực hiện các Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

5. Tiêu chí 10: Tham vấn:

Khi thực hiện tiêu chí này, chủ đầu tư phải bảo đảm người dân được tham vấn đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nghị quyết UNESCO về Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý Mạng lưới Các Khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu.

7. KHU BẢO TỒN CẢNH QUAN ĐẤT LIỀN VÀ BIỂN

Các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với khu bảo tồn cảnh quan đất liền và biển

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc toạ độ theo hệ toạ độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.

2. Tiêu chí 5: Mô tả hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án đầu tư.

Chủ đầu tư cần lưu ý tổng hợp dữ liệu về các điều kiện tự nhiên phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án trong 03 năm gần nhất, Đồng thời chủ đầu tư cần mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn, hải văn của nguồn tiếp nhận nước thải này.

3. Tiêu chí 6: Tác động của công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Khi thực hiện đánh giá tiêu chí này, chủ đầu tư phải Mô tả công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa; mô tả tác động xấu đến môi trường của khu bảo tồn có thể gây ra từ công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án. Ngoài ra, chủ đầu tư cần thực hiện Đánh giá khả năng tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa của khu bảo tồn từ hoạt động của dự án; đánh giá khả năng tác động đến người dân sinh sống có liên quan đến khu bảo tồn từ hoạt động của dự án cần phải giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

4. Tiêu chí 8: Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác

Chủ đầu tư cần thiết lập kế hoạch thực hiện các Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

5. Tiêu chí 10: Tham vấn:

Khi thực hiện tiêu chí này, chủ đầu tư phải bảo đảm người dân được tham vấn đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nghị quyết UNESCO về Chiến lược Seville về Khu dự trữ sinh quyển và Khung pháp lý Mạng lưới Các Khu Dự trữ Sinh quyển Toàn cầu.

8. KHU BẢO TỒN THẮNG CẢNH TỰ NHIÊN

Các tiêu chí sau cần chú ý khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với khu bảo tồn thắng cảnh tự nhiên:

1. Tiêu chí 1: Cơ sở pháp lý và đặc điểm của dự án đầu tư.

Trong tiêu chí này ngoài các yêu cầu về Nội dung thành phần, cần làm rõ về Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác). Đặc biệt cần xác định rõ Các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án được quy định chi tiết tại Thông tư 06/2009/TT-BTNMT.

2. Tiêu chí 3: Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch.

Tiêu chí này đòi hỏi các dự án đầu tư phải cung cấp thông tin liên quan đến Phân vùng môi trường trong Quy hoạch Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Sự phù hợp với nội dung BVMT trong quy hoạch vùng. Ngoài ra chủ dự án đối chiếu với nội dung về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và quy chế quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên do BTNMT ban hành.

3. Tiêu chí 5: Mô tả hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án đầu tư.

Chủ đầu tư cần lưu ý tổng hợp dữ liệu về các điều kiện tự nhiên phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án trong 03 năm gần nhất, Đồng thời chủ đầu tư cần mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn, hải văn của nguồn tiếp nhận nước thải này.

4. Tiêu chí 7: Đánh giá về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải

Khi thực hiện đánh giá tiêu chí này, chủ đầu tư phải Mô tả công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải (bao gồm khí thải, nước thải, chất thải rắn), đặc biệt là mô tả công trình và biện pháp này có ảnh hưởng như thế nào đối với công tác bảo vệ đa dạng sinh học trong khu bảo tồn.

5. Tiêu chí 8: Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác

Chủ đầu tư cần thiết lập kế hoạch thực hiện các Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đầu tư đến môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).



Hội Luật quốc tế Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những công dân hoặc tổ chức Việt Nam đã hoặc đang hoạt động trong lĩnh vực Luật quốc tế, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích phát triển khoa học pháp lý quốc tế. Hội Luật quốc tế Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, tự quản, tự đảm bảo kinh phí và không vì mục đích lợi nhuận.

Hội Luật quốc tế Việt Nam tập trung vào các hoạt động sau:

- √ Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến và thực hành Luật quốc tế tại Việt Nam;
- √ Tạo diễn đàn thảo luận chung để chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm pháp lý quốc tế giữa các chuyên gia Luật quốc tế Việt Nam cũng như với các chuyên gia Luật quốc tế của các nước trên thế giới;
- √ Biên soạn và công bố các ấn phẩm đóng góp cho việc phổ biến và phát triển khoa học pháp lý quốc tế; tiến tới phát hành Niên giám hoặc Tạp chí Luật quốc tế của Việt Nam;
- √ Tư vấn, cung cấp ý kiến độc lập cho Chính phủ về các vấn đề pháp luật quốc tế, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ hội nhập, góp phần vào việc giải quyết các tranh chấp quốc tế liên quan tới Việt Nam;
- √ Tham gia các hoạt động quốc tế phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.